

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28-7-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải

Bà Phạm Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà HTP; nơi cư trú: Số 29 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông PDP; nơi cư trú: Số 29 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà HTP trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà HTP và ông PDP xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn quyền số

02, số 183 ngày 27 tháng 7 năm 1990. Thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc và có hai con chung. Đến đầu năm 2020, vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống. Từ tháng 12 năm 2020, bà HTP và ông PDP đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai về tình cảm và kinh tế. Nay, bà HTP xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên bà HTP đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông PDP để ổn định cuộc sống của cả hai.

Về việc nuôi con: Bà HTP và ông PDP có hai con chung là D, sinh năm 1989 và E, sinh năm 1994. Hai con chung đã trên 18 tuổi nên bà HTP không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về việc chia tài sản: Bà HTP và ông PDP tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là ông PDP đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó, bị đơn không có ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Toà án đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương, thể hiện: Mâu thuẫn giữa bà HTP và ông PDP nguyên nhân do bất đồng tính cách, hiện nay hai bên sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình, không ai quan tâm đến ai. Chính quyền địa phương nơi bà HTP, ông PDP cư trú đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tài liệu xác minh tại gia đình ông PDP, thể hiện: Trong cuộc sống chung của vợ chồng ông PDP và bà HTP có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do lối sống, tính cách không hòa hợp. Từ khoảng tháng 12 năm 2022, mâu thuẫn càng tăng hơn nên ông bà đã sống ly thân. Gia đình đã thông báo với ông PDP về việc bà HTP có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết việc ly hôn của ông bà, ông PDP đồng ý ly hôn với bà HTP nhưng ông PDP không đến Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định. Gia đình ông PDP đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Bà HTP giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông PDP vắng mặt.

Kiểm sát viên có ý kiến, quan điểm tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xử bà HTP được ly hôn ông PDP; hai con chung đã trên 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét; các bên không yêu cầu giải quyết về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét giải quyết; nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn; bị đơn cư trú tại số 29 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà HTP và ông PDP kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của bà HTP và ông PDP qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập là đúng với thực tế. Hiện tại, ông bà đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm và độc lập về kinh tế. Hội đồng xét xử xét: Mâu thuẫn giữa bà HTP và ông PDP phát sinh, kéo dài do hai bên không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung. Bà HTP kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm. Ông PDP đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án để giải quyết. Xét mục đích của hôn nhân là vợ chồng phải tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân bà HTP và ông PDP đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông bà không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau. Vì vậy, xét có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà HTP theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc nuôi con: Bà HTP và ông PDP có hai con chung là D, sinh năm 1989 và E, sinh năm 1994. Hai con chung đều trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về việc chia tài sản: Bà HTP và ông PDP tự thỏa thuận về việc chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Bà HTP phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà HTP được ly hôn với ông PDP.

2. Về việc nuôi con: Bà HTP và ông PDP có hai con chung D, sinh năm 1989 và E, sinh năm 1994. Hai con chung đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

3. Về việc chia tài sản: Bà HTP và ông PDP đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bà HTP phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009713 ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bà HTP đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Đương sự;
- UBND P. B, C, Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Yến